

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672004 - Auto CAD căn bản
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0)
Năm học : 2013-2014
Lần thi : 1
Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Huỳnh Ngọc	Thuận	3471010321	04/05/1991	8,00	9,00	8,70	
2	Nguyễn Khắc Phương	Quang	3671041535	10/09/1994	4,00	2,00	2,60	
3	Lưu Văn	Long	3671041560	01/01/1994	6,50	3,50	4,40	
4	Đặng Hữu	Tiền	3671041569	07/11/1993	5,00	3,50	4,00	
5	Tô Thái	Viễn	3671041571	14/08/1994	6,00	5,00	5,30	
6	Nguyễn Hùng Gia	Uy	3671041574	22/11/1994	7,00	5,50	6,00	
7	Hoàng Đình	Linh	3671041579	30/08/1994	7,00	6,00	6,30	
8	Trương Mạnh	Cường	3671041608	11/01/1994	7,00	6,50	6,70	
9	Nguyễn Công	Thành	3671041616	23/11/1993	5,50	3,00	3,80	
10	Lương Anh	Tiến	3671041621	02/04/1994	7,00	6,00	6,30	
11	Lê Quốc	Thịnh	3671041622	26/12/1994	6,00	,50	2,20	
12	Hồ Thế	Kiệt	3671041625	22/12/1993	6,50	4,50	5,10	
13	Nguyễn Hoàng	Tú	3671041635	12/02/1994	7,00	6,50	6,70	
14	Lê Ngọc	Thông	3671041639	28/10/1994	6,00	5,00	5,30	
15	Đàm Văn	Son	3671041642	01/02/1994	9,50	9,00	9,20	
16	Nguyễn Thanh	Quân	3671041647	21/03/1994	6,00	4,00	4,60	
17	Nguyễn Hữu	Tiến	3671041652	22/08/1994	,00			Nợ HP
18	Phạm Ngọc	Tuân	3671041653	10/07/1992	7,00	6,00	6,30	
19	Lê Bảo	Huy	3671041656	11/06/1994	8,50	8,00	8,20	
20	Hoàng	Đạt	3671041659	25/09/1993	6,00	4,50	5,00	
21	Tô Thanh	Tuấn	3671041662	20/07/1993	6,00	4,50	5,00	
22	Huỳnh Quang	Hiếu	3671041673	23/04/1994	5,00	3,00	3,60	
23	Trần Chí	Thiện	3671041829	04/05/1994	5,00	3,50	4,00	
24	Dương Ngọc	Tiến	3671041830	16/10/1994	9,00	8,50	8,70	
25	Huỳnh Xuân	Hoàng	3671041831	31/01/1994	6,50	4,50	5,10	
26	Trương Đình Bảo	Duy	3671041835	05/10/1994	6,50	5,00	5,50	
27	Vương Huỳnh	Triều	3671041837	13/12/1994	5,50	4,50	4,80	
28	Trịnh Hữu	Ý	3671041845	06/01/1994	5,00	2,00	2,90	Nợ HP
29	Hoàng Minh	Tài	3671041856	20/08/1994	7,00	6,50	6,70	
30	Nguyễn Văn	Chất	3671041880	01/01/1993	9,50	9,00	9,20	
31	Tô Minh	Quý	3671041885	07/12/1994	6,50	5,00	5,50	
32	Lê Văn	Khanh	3671041888	12/07/1993	5,00	2,00	2,90	
33	Võ Văn	Vinh	3671041893	08/03/1993	,00	5,00	3,50	
34	Đặng Bá	Thi	3671041901	06/09/1994	7,00	6,50	6,70	
35	Trần Quốc	Dũng	3671041904	06/08/1994	,00			Nợ HP

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Văn	Hiếu	3671041923	02/06/1994	5,50			Nợ HP
37	Nguyễn Phước	Huy	3671041926	16/05/1994	6,00	3,50	4,30	
38	Cao Văn	Dũng	3671041927	14/07/1993	8,50	7,50	7,80	
39	Trần Trung	Hiếu	3671041929	11/11/1994	6,00	3,00	3,90	
40	Nguyễn Văn	Sang	3671041930	06/06/1992	5,00	3,50	4,00	
41	Hoàng Minh	Hải	3671041932	12/04/1994	5,00	2,50	3,30	
42	Nguyễn Sỹ	Vũ	3671041951	17/03/1992	6,50	5,00	5,50	
43	Trần Quốc	Việt	3671041959	30/03/1994	5,50	4,50	4,80	
44	Nguyễn Thành	Hiếu	3671041971	11/10/1992	6,50	4,50	5,10	
45	Võ Thành	Uyên	3671041985	10/04/1994	5,00			Nợ HP
46	Nguyễn Văn	Sinh	3671041998	25/09/1994	6,00	4,50	5,00	
47	Trần Xuân	Dưỡng	3671042018	08/02/1993	5,50			Nợ HP
48	Lê Nhựt	Tân	3671042031	06/10/1994	,00			Nợ HP
49	Xành Phối	Linh	3671042045	10/11/1993	7,50			Nợ HP

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 01 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)